

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2026

Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ
2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huyền Giao – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang: Ông Phạm Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXX-TA ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thế N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn điều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/11/2025 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thế N trình bày:

Tôi và anh S tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2008 có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2008 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc được, đến năm 2020 thì

phát sinh mâu thuẫn, do anh S ham chơi cờ bạc, số đề, nợ nần chồng chất dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc, đến tháng 8/2024 thì chúng tôi sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung: 1/Nguyễn Thị Diễm Kiều, sinh ngày 22/8/2009 giới tính nữ. 2/ Nguyễn Thị Diễm T sinh ngày 22/8/2011 (nữ) hiện đang sống với tôi.

Về tài sản, nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu: Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Văn S

Về con chung: Tôi xin tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản , nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2026 bị đơn ông Nguyễn Văn S ý kiến trình bày.

Tôi và bà Nguyễn Thế N tự tìm hiểu yêu thương và đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V huyện V tỉnh Kiên Giang, nhưng vào năm nào thì tôi không nhớ, tôi và bà N sống ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung: 1/Nguyễn Thị Diễm Kiều, sinh ngày 22/8/2009 giới tính nữ. 2/ Nguyễn Thị Diễm T sinh ngày 22/8/2011 (nữ) hiện đang sống với bà N, tôi đồng ý để cho bà N nuôi 02 con chung, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản , nợ: Chúng tôi không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ chúng tôi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thế N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Nguyễn Văn S. Đây là tranh chấp việc ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thế N và ông Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, cho nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà N và ông S là đúng quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thế N tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2008, có đăng ký kết hôn vào 26/11/2008 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đến tháng 8 năm 2024 ông S, bà N sống ly thân cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông S và bà N là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra ông, bà phải tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, nuôi dạy con chung, nhưng ở đây ông S, bà N không làm được điều đó, mà lại sống ly thân nhau, làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, trong quá trình thu thập chứng cứ ông S cũng đồng ý ly hôn nghĩ nên cho bà N được ly hôn với ông S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Vợ chồng ông S và bà N có với nhau 02 con chung; 1/ Nguyễn Thị Diễm Kiều, sinh ngày 22/8/2009 giới tính nữ. 2/ Nguyễn Thị Diễm T sinh ngày 22/8/2011 (nữ) hiện đang sống với bà N, ông S và bà N thống nhất giao cháu K và cháu T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con. Cháu K và cháu T đều có nguyện vọng sống với bà N. Do đó nghĩ nên giao cháu Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 22/8/2009 giới tính nữ và cháu Nguyễn Thị Diễm T sinh ngày 22/8/2011 (nữ) cho bà Nguyễn Thế N là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Về tố tụng: Thẩm Phán – Hội đồng xét xử -Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Bị đơn ông S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông S không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của Bị đơn theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông S. Về con chung: Giao 02 con chung cho bà N tiếp tục

nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu. Về tài sản, nợ: Không có không yêu cầu giải quyết. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thế N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008705 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà N không phải nộp thêm. Ông S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, 227, 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T1.

[1] Cho bà Nguyễn Thế N được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 22/8/2009 giới tính nữ và cháu Nguyễn Thị Diễm T sinh ngày 22/8/2011 (giới tính nữ) cho bà Nguyễn Thế N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn văn S không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà N không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn S có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

[3]. *Về tài sản chung, nợ*: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thế N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008705 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà N không phải nộp thêm. Ông S không phải chịu án phí.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 6
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Đ; Nguyễn Hoàng Hồ Nguyễn Tấn L

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;*

- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*

- *Các đương sự;*

- *Lưu: Hồ sơ.*

Nguyễn Tấn Lợi